



(12) **BẢN MÔ TẢ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH THUỘC BẢNG ĐỘC QUYỀN
GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

(11)



2-0002504

(51)⁷ **A61K 36/00**

(13) **Y**

(21) 2-2018-00521

(22) 13/12/2018

(45) 25/11/2020 392

(43) 25/02/2019 371A

(73) **CÔNG TY TNHH CHĂM SÓC SỨC KHỎE HƯƠNG SEN (VN)**

Số 15, ngõ 61, phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(72) **Đỗ Văn Chanh (VN); Phạm Thị Hòa (VN).**

(54) **CHẾ PHẨM DÙNG ĐỂ NGÂM TẮM HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ BỆNH PHONG HÀN**

(57) Giải pháp đề cập đến chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, trong đó chế phẩm bao gồm dịch chiết từ các thành phần bao gồm: lá tre (*Folium bambusae*) từ 10 đến 15%, lá cây ngũ sắc (*Lantana camara* L.) từ 10 đến 15%, cây sả (*Cymbopogon* spp.) từ 10 đến 15%, lá bưởi (*Citrus decumana* L.) từ 5 đến 10%, hương nhu (*Ocimum sanctum* L.) từ 5 đến 10%, ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.) từ 5 đến 10%, tía tô (*Perilla ocymoides* L.) từ 5 đến 10%, kinh giới (*Elsholtzia ciliatae* (Thunb.) Hyland.) từ 5 đến 10%, xạ can (*Belamcanda punctata* Moench) từ 4 đến 8%, sinh khương (*Zingiber officinale* Rose) từ 4 đến 8%, quế chi (*Cinnamomum obtusifolium* Nees.) từ 1 đến 5%, bạc hà (*Mentha avensis* L.) từ 2 đến 6% và cúc hoa (*Flos Chrysanthemi indic*) từ 2 đến 6%.

Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Giải pháp hữu ích thuộc lĩnh vực y học và chăm sóc sức khỏe bằng thảo dược, cụ thể là giải pháp hữu ích đề cập đến chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn và quy trình sản xuất chế phẩm này.

Tình trạng kỹ thuật của giải pháp hữu ích

Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, đã có nhiều bài thuốc dân gian dùng để ngâm tắm, xông hơi nhằm giải cảm, giúp tiêu độc, trừ hàn. Bệnh phong hàn chủ yếu do người bệnh bị nhiễm lạnh do mất nhiệt và các bài thuốc dân gian chủ yếu nhằm khai thông khí huyết, giúp cân bằng được nhiệt độ trong cơ thể. Các bài thuốc dân gian này chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm người dùng và không có một tiêu chuẩn cụ thể về thành phần cũng như tỷ lệ giữa chúng. Đối với bệnh phong hàn, y học cổ truyền chủ yếu sử dụng phương thức đánh cảm, trong đó lá ngải cứu, trứng gà và đồng bạc được sử dụng như một bài thuốc trừ phong hàn hiệu quả. Ngoài ra, các bài thuốc ngâm tắm như bài thuốc tắm của người Dao, mặc dù được lưu truyền rộng rãi trong cộng đồng, nhưng bài thuốc thực sự có hiệu quả vẫn được giữ bí mật trong cộng đồng như một bí quyết truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Đối với phương thuốc dùng xông tắm trừ bệnh phong hàn, trong cộng đồng người Kinh có nhiều bài thuốc khác nhau, trong đó sử dụng chủ yếu các thành phần như hương nhu, lá bưởi, cúc tần, lá tre, mùi già, ngải cứu, tía tô tươi được nấu và xông cho đến khi bệnh nhân ra mồ hôi giúp trừ độc, thông khí. Các thành phần nêu trên chủ yếu chứa tinh dầu, nhằm tiêu trừ phong hàn, giúp tinh thần sảng khoái. Tuy nhiên, việc phối hợp các thành phần này thường theo thói quen và tùy vào khả năng tiếp cận nguồn nguyên liệu mà có những thay đổi, do đó hiệu quả không cao, đôi khi xông tắm còn gây phỏng rộp da.

Theo y học cổ truyền, các thành phần sử dụng phải được tính toán cẩn thận với tỷ lệ thích hợp nhằm đạt hiệu quả cao nhất lượng nguyên liệu ít nhất tránh việc ngộ độc. Do đó, việc sử dụng theo thói quen vừa không khoa học, phản tác dụng, nguy hiểm, vừa lãng phí dược liệu.

Đã có nhiều cải tiến trong việc phối chế các nguyên liệu và cách thức tạo ra thuốc để xông nhằm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, ví dụ, trên thị trường hiện có bán các bó lá thảo dược tươi hoặc túi lá khô với các thành phần, tỷ lệ khác nhau để xông tắm trừ hàn. Tuy nhiên, việc sử dụng lại rất phức tạp do các thành phần nguyên liệu

này khó bảo quản và sử dụng thường được nấu để các thành phần trong thảo dược bốc hơi, xông trực tiếp vào người sử dụng nên không cần thận để gây bỏng, đặc biệt là người sử dụng là trẻ em hoặc người già. Ngoài ra, do đặc tính một số thành phần thảo dược, nguyên liệu khô bị suy giảm chất lượng do đó hiệu quả sử dụng kém hoặc không có hiệu quả. Ngoài ra, người sử dụng đôi khi phải phân biệt giữa bị cảm lạnh hoặc bị cảm nóng để tự phối chế các thành phần thảo dược thích hợp.

Do đó, cần có chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn hiệu quả, tiện lợi, dễ sử dụng và ngoài việc có các thành phần cần có tỷ lệ và phương thức sản xuất sao cho giữ được các hoạt chất trong chế phẩm.

Bản chất kỹ thuật của giải pháp hữu ích

Mục đích của giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề tồn tại nêu trên, theo đó giải pháp hữu ích đề cập đến chế phẩm để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn và quy trình sản xuất chế phẩm này.

Theo khía cạnh thứ nhất, giải pháp hữu ích đề cập đến chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, trong đó chế phẩm này bao gồm thành phần dịch chiết từ các thành phần dưới đây theo tỷ lệ % thể tích: lá tre (*Folium bambusae*) từ 10 đến 15%, lá cây ngũ sắc (*Lantana camara* L.) từ 10 đến 15%, cây sả (*Cymbopogon* spp.) từ 10 đến 15%, lá bưởi (*Citrus decumana* L.) từ 5 đến 10%, hương nhu (*Ocimum sanctum* L.) từ 5 đến 10%, ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.) từ 5 đến 10%, tía tô (*Perilla ocymoides* L.) từ 5 đến 10%, kinh giới (*Elsholtzia ciliatae* (Thunb.) Hyland.) từ 5 đến 10%, xạ can (*Belamcanda punctata* Moench) từ 4 đến 8%, sinh khương (*Zingiber officinale* Rose) từ 4 đến 8%, quế chi (*Cinnamomum obtusifolium* Nees.) từ 1 đến 5%, bạc hà (*Mentha avensis* L.) từ 2 đến 6% và cúc hoa (*Flos Chrysanthemi indicis*) từ 2 đến 6%.

Chế phẩm để ngâm tắm điều trị bệnh phong hàn theo giải pháp hữu ích ở dạng lỏng sánh, màu nâu có mùi thơm dịu, vị hơi chua và không gây kích ứng da.

Theo khía cạnh thứ hai, giải pháp hữu ích đề cập đến quy trình sản xuất chế phẩm để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, trong đó quy trình này bao gồm các bước:

a) chuẩn bị nguyên liệu bao gồm các thành phần lá tre (*Folium bambusae*), lá cây ngũ sắc (*Lantana camara* L.), cây sả (*Cymbopogon* spp.), lá bưởi (*Citrus decumana* L.), hương nhu (*Ocimum sanctum* L.), ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.), tía tô (*Perilla ocymoides* L.), kinh giới (*Elsholtzia ciliatae* (Thunb.) Hyland.), xạ can (*Belamcanda punctata* Moench), sinh khương (*Zingiber officinale* Rose), quế chi

(*Cinnamomum obtusifolium* Nees.), bạc hà (*Mentha avensis* L.) và cúc hoa (*Flos Chrysanthemi indicii*) được lựa chọn, thu hái, làm sạch và cắt nhỏ;

b) chiết từng nguyên liệu bằng cách đưa từng thành phần được chuẩn bị ở bước a) vào thiết bị chiết với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết trong thời gian 8 giờ, sau đó cô đến thể tích 1/10 thu được dịch chiết, sau khi lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết nguyên liệu; và

c) thu chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn bao gồm phối trộn đều các thành phần dịch chiết thu được từ bước b) theo tỷ lệ % thể tích sau: lá tre (*Folium bambusae*) từ 10 đến 15%, lá cây ngũ sắc (*Lantana camara* L.) từ 10 đến 15%, cây sả (*Cymbopogon* spp.) từ 10 đến 15%, lá bưởi (*Citrus decumana* L.) từ 5 đến 10%, hương nhu (*Ocimum sanctum* L.) từ 5 đến 10%, ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.) từ 5 đến 10%, tía tô (*Perilla ocymoides* L.) từ 5 đến 10%, kinh giới (*Elsholtzia ciliatae* (Thunb.) Hyland.) từ 5 đến 10%, xạ can (*Belamcanda punctata* Moench) từ 4 đến 8%, sinh khương (*Zingiber officinale* Rose) từ 4 đến 8%, quế chi (*Cinnamomum obtusifolium* Nees.) từ 1 đến 5%, bạc hà (*Mentha avensis* L.) từ 2 đến 6% và cúc hoa (*Flos Chrysanthemi indicii*) từ 2 đến 6% thu được chế phẩm đồng nhất ở dạng lỏng sánh, màu nâu.

Mô tả chi tiết giải pháp hữu ích

Giải pháp hữu ích đề xuất chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn và quy trình sản xuất chế phẩm này.

Theo khía cạnh thứ nhất, giải pháp hữu ích đề xuất chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, trong đó chế phẩm này bao gồm các thành phần dịch chiết từ lá tre, lá cây ngũ sắc, cây sả, lá bưởi, hương nhu, ngải cứu, tía tô, kinh giới, xạ can, sinh khương, quế chi, bạc hà và cúc hoa.

Dịch chiết lá tre theo giải pháp thu được bằng cách chiết lá tre với dung môi. Lá tre được sử dụng theo giải pháp là lá cây tre đen có tên dược điển là *Folium bambusae*, tên thực vật *Phylostachy nigra* (Lodd), *Munrovar. Henonis* (Mitf) Stapf ex Rindle. Trong y học cổ truyền lá tre có vị ngọt nhạt, hơi cay, tính lạnh được dùng để thanh nhiệt, giải cảm, giải độc và trong các trường hợp mụn nhọt viêm tấy mưng mủ và sốt nóng trong dịch sốt huyết ở dạng nấu, sắc, hãm lấy nước uống. Trong dân gian, lá tre tươi được sử dụng kết hợp với lá hương nhu, cúc tần, lá bưởi tươi để ngâm tắm giải nhiệt, thanh tâm, tiêu đờm, khiến mồ hôi ra, sát khuẩn, trị cảm sốt. Thành phần dịch chiết từ lá tre theo giải pháp thu được bằng cách chiết lá tre với dung môi là nước khử

ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết lá tre.

Dịch chiết cây ngũ sắc theo giải pháp thu được bằng cách chiết cây ngũ sắc với dung môi. Cây ngũ sắc có tên khoa học là *Lantana camara* L., họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae) còn có tên là trâm ổi, hoa ngũ sắc, trâm hôi, tứ thời, tứ quý, cây cứt lợn. Thành phần sử dụng gồm lá hoa và rễ (Folium, Flos et Radix Lantanae). Cây ngũ sắc chứa chủ yếu tinh dầu như cameren, isocameren, và một số alcaloit như lantanin. Trong dân gian, cây ngũ sắc được dùng để chữa sốt lâu không khỏi, phong thấp, đau xương, chấn thương, bầm dập dưới dạng thuốc sắc từ rễ. Hoa chữa ho lâu ngày, ho ra máu. Lá cây giã nát đắp lên vết thương, vết loét, ngâm tắm chữa cảm mạo, sốt. Theo giải pháp hữu ích, thành phần dịch chiết cây ngũ sắc thu được bằng cách chiết cây ngũ sắc với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết cây ngũ sắc.

Dịch chiết cây sả theo giải pháp thu được bằng cách chiết cây sả với dung môi. Cây sả có tên khoa học là *Cymbopogon* spp., thuộc họ Lúa (Poaceae). Trong cây sả chứa tinh dầu với thành phần chủ yếu là geraniol, citronelal, citral. Trong y học cổ truyền, cây sả được sử dụng để chữa cảm sốt, đau bụng, đầy hơi, chướng bụng, nôn mửa. Tinh dầu sả trừ muỗi, khử mùi hôi tanh. Ngoài ra, sả được sử dụng rộng rãi làm gia vị. Thành phần dịch chiết cây sả theo giải pháp thu được bằng cách chiết cây sả với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết cây sả.

Dịch chiết lá bưởi theo giải pháp thu được bằng cách chiết lá cây bưởi với dung môi. Cây bưởi có tên khoa học là *Citrus decumana* L. thuộc họ Cam (Rutaceae). Trong lá bưởi chứa nhiều tinh dầu. Trong y học cổ truyền, lá bưởi có vị cay, tính ấm được sử dụng nhiều làm thuốc và được dùng chữa viêm khớp dạng thấp, đau bụng do thực trệ, thể hàn thấp, cảm mạo. Lá bưởi và gừng giã nát sau đó trộn với dầu trầu và đắp tại chỗ có thể điều trị viêm khớp cấp. Lá bưởi và hành củ giã nát đắp vào huyết thái dương giúp trị chứng đau đầu do phong hiệu quả. Thành phần dịch chiết lá bưởi theo giải pháp thu được bằng cách chiết lá cây bưởi với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết lá bưởi.

Dịch chiết hương nhu theo giải pháp thu được bằng dịch chiết cây hương nhu với dung môi. Cây hương nhu có tên khoa học là *Ocimum sanctum* L., thuộc họ Bạc hà (*Lamiaceae*). Trong cây hương nhu chứa tinh dầu (ít nhất 0,5%) với thành phần chính là eugenol. Trong dân gian, cây hương nhu được sử dụng ở dạng thân, cành mang lá, hoa (tên được diễn là Herba Ocimi sancti) phơi sấy khô hay dùng tươi để chữa cảm nắng, nhức đầu, đau bụng, đi ngoài, nôn mửa, chuột rút, cước khí, thủy thũng. Eugenol từ tinh dầu Hương nhu tía được dùng trong nha khoa và là nguyên liệu để tổng hợp vanilin. Thành phần dịch chiết hương nhu theo giải pháp thu được bằng cách chiết cây hương nhu với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết hương nhu.

Dịch chiết ngải cứu theo giải pháp thu được bằng cách chiết lá ngải cứu với dung môi. Cây ngải cứu còn có tên là ngải diệp có tên khoa học là *Artemisia vulgaris* L. thuộc họ Cúc (*Asteraceae*). Cây ngải cứu được ứng dụng rất nhiều trong y học cổ truyền có tác dụng điều kinh, an thai, chữa ỉa, thổ huyết, máu cam, băng huyết, lậu huyết, bạch đới, đau dây thần kinh, chữa tăng huyết áp. Lá ngải cứu khô được dùng làm môi cứu trên các huyết. Thành phần dịch chiết ngải cứu theo giải pháp thu được bằng cách chiết cây ngải cứu với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết ngải cứu.

Dịch chiết tía tô theo giải pháp thu được bằng cách chiết lá cây tía tô với dung môi. Cây tía tô có tên khoa học là *Perilla ocymoides* L. hay còn có tên là *Perilla frutescens* (L.) Britton, họ Bạc hà (*Lamiaceae*). Trong dân gian, cây tía tô được sử dụng như một vị thuốc, đồng thời được sử dụng rộng rãi làm gia vị. Tía tô được sử dụng toàn phần bao gồm hạt (tô tử - *Fructus Perillae*), lá (tô diệp - *Folium Perillae*), cành (tô ngành - *Caulis Perillae*). Trong cây tía tô có nhiều tinh dầu trong đó chủ yếu là perila aldehyt, limonen. Trong y học cổ truyền cây tía tô ở dạng thuốc sắc có tác dụng giúp ra mồ hôi, chữa ho, giúp tiêu hoá, chữa phong hàn. Thành phần dịch chiết tía tô theo giải pháp thu được bằng cách chiết cây tía tô với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết tía tô giàu tinh dầu.

Dịch chiết kinh giới thu được bằng cách chiết cây kinh giới với dung môi. Cây kinh giới còn gọi là bán biên tô, tiểu kinh giới, bài hương thảo và có tên khoa học là

Elsholtzia ciliatae (Thunb.) Hyland. hay còn được gọi là *Elsholtzia cristata* Willd., thuộc họ Bạc hà (Lamiaceae). Thành phần dùng là ngọn mang lá, hoa. Trong cây kinh giới chứa nhiều tinh dầu. Trong y học cổ truyền, kinh giới chữa cảm sốt, nhức đầu, trị ngứa, chữa phụ nữ sau khi sinh bị trúng phong, băng huyết, rong kinh, đại tiện ra máu. Theo giải pháp hữu ích, thành phần dịch chiết kinh giới thu được bằng cách chiết cây kinh giới với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết kinh giới.

Dịch chiết xạ can thu được bằng cách chiết thân rễ của cây rẻ quạt thái phiến, ở dạng tươi hoặc sấy khô, với dung môi. Cây rẻ quạt có tên khoa học là *Belamcanda punctata* Moench hay còn được gọi là (*Belamcanda chinensis* (L.) DC.) syn., thuộc họ Ladon (Iridaceae). Trong xạ can có một số dẫn chất isoflavonoit (belamcandin, tectoridin...). Xạ can có tác dụng kháng khuẩn, tiêu viêm, tiêu đờm, chữa ho, ho gà, viêm họng, khản tiếng, viêm amidan có mủ, chữa sốt, thống kinh, đại tiểu tiện không thông, sưng vú, tắc tia sữa, đau nhức tai, rắn cắn bằng cách sắc uống hoặc sử dụng thân rễ giã nhỏ với muối, ngâm nước, bã đắp. Theo giải pháp hữu ích, thành phần dịch chiết xạ can thu được bằng cách chiết xạ can với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết xạ can.

Dịch chiết sinh khương thu được bằng cách chiết thân rễ của củ cây gừng với dung môi. Cây gừng có tên khoa học là *Zingiber officinale* Rose, thuộc họ Gừng (Zingiberaceae). Củ gừng được sử dụng nhiều trong y học cổ truyền, là thân rễ của cây gừng. Củ gừng tươi còn gọi là sinh khương, có tên dược điển là *Rhizoma Zingiberis Recens*. Gừng khô gọi là can khương có tên dược điển là *Rhizoma Zingiberis Praeparata*. Trong củ gừng chứa tinh dầu và tinh bột được dùng để chữa cảm lạnh, nhức đầu, ngạt mũi, ho có đờm, nôn mửa, bụng đầy trướng, làm gia vị, làm mứt, cất tinh dầu làm thuốc. Gừng khô chữa đau bụng lạnh, ăn kém tiêu, tiêu chảy, ho suyễn và thấp khớp. Theo giải pháp hữu ích, thành phần dịch chiết sinh khương thu được bằng cách chiết củ gừng với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết sinh khương.

Dịch chiết quế chi thu được bằng cách chiết cành tươi của cây quế với dung môi. Cây quế có tên khoa học là *Cinnamomum obtusifolium* Nees. thuộc họ long não (Lauraceae). Trong cây quế chứa tinh dầu, trong đó chủ yếu là andehyt cinamic được

ứng dụng nhiều trong y học cổ truyền, quế chi được dùng để chữa cảm lạnh, sốt không ra mồ hôi. Tinh dầu thường được cất từ dư phẩm khi chế biến, dùng làm thuốc và trong kỹ nghệ hương liệu. Theo giải pháp hữu ích, thành phần dịch chiết quế chi thu được bằng cách quế chi với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết quế chi.

Dịch chiết bạc hà thu được bằng cách chiết cây bạc hà với dung môi. Cây bạc hà có tên khoa học là *Mentha avensis* L., họ Bạc hà (Lamiaceae). Thành phần sử dụng là toàn thân, có tên dược điển là (*Herba Menthae arvensii*), trong đó chứa chủ yếu là menthol. Bạc hà có tác dụng chữa phong hàn, nhức đầu, ngạt mũi, viêm họng, kích thích tiêu hoá, chữa đau bụng, đầy bụng. Bạc hà có vị cay, tính mát, thơm, có tác dụng hạ sốt, làm ra mồ hôi, làm dịu họng, lợi tiêu hoá tiêu sưng, chống ngứa. Tinh dầu có tác dụng sát trùng, gây tê tại chỗ, có thể gây ức chế làm ngừng thở và tim ngừng đập hoàn toàn. Trong y học cổ truyền, lá cây bạc hà tươi được sử dụng để ngâm tắm chữa phong hàn, phơi khô dùng trong các bài thuốc kết hợp với các vị thuốc khác. Theo giải pháp hữu ích, thành phần dịch chiết bạc hà thu được bằng cách chiết lá cây bạc hà với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết bạc hà.

Dịch chiết cúc hoa thu được bằng cách chiết hoa cúc vàng với dung môi. Hoa cúc vàng có tên dược điển là *Flos Chrysanthemi indicis* là cụm hoa đã được thu hái và làm khô của cây cúc có tên khoa học là *Chrysanthemum indicum* L., thuộc họ Cúc (Asteraceae). Trong cúc hoa có tinh dầu, flavonoit, vitamin A, axit amin như là cholin. Trong y học cổ truyền, cúc hoa có tác dụng làm thuốc chữa nhức đầu, chóng mặt, cao huyết áp, hoa mắt, đau mắt đỏ, mắt mờ, chảy nước mắt, đình độc, mụn nhọt sưng đau. Trong dân gian, cúc hoa được dùng để ướp chè, nấu rượu. Theo giải pháp hữu ích, thành phần dịch chiết cúc hoa thu được bằng cách chiết hoa cúc vàng với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ, sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết cúc hoa.

Theo đó chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn bao gồm các thành phần dịch chiết từ các thành phần dưới đây theo tỷ lệ % thể tích: lá tre (*Folium bambusae*) từ 10 đến 15%, lá cây ngũ sắc (*Lantana camara* L.) từ 10 đến 15%, cây sả (*Cymbopogon* spp.) từ 10 đến 15%, lá bưởi (*Citrus decumana* L.) từ 5 đến

10%, hương nhu (*Ocimum sanctum* L.) từ 5 đến 10%, ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.) từ 5 đến 10%, tía tô (*Perilla ocymoides* L.) từ 5 đến 10%, kinh giới (*Elsholtzia ciliatae* (Thunb.) Hyland.) từ 5 đến 10%, xạ can (*Belamcanda punctata* Moench) từ 4 đến 8%, sinh khương (*Zingiber officinale* Rose) từ 4 đến 8%, quế chi (*Cinnamomum obtusifolium* Nees.) từ 1 đến 5%, bạc hà (*Mentha avensis* L.) từ 2 đến 6% và cúc hoa (*Flos Chrysanthemi indicii*) từ 2 đến 6%.

Chế phẩm theo giải pháp ở dạng lỏng sánh, có mùi thơm dịu, vị hơi chua và không gây kích ứng da.

Theo khía cạnh thứ hai, giải pháp hữu ích đề cập đến quy trình sản xuất chế phẩm để ngâm tẩm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, trong đó quy trình này bao gồm các bước: chuẩn bị nguyên liệu, chiết từng nguyên liệu và thu chế phẩm dùng để ngâm tẩm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn.

Trong bước chuẩn bị nguyên liệu, các thành phần bao gồm lá tre (*Folium bambusae*), lá cây ngũ sắc (*Lantana camara* L.), cây sả (*Cymbopogon* spp.), lá bưởi (*Citrus decumana* L.), hương nhu (*Ocimum sanctum* L.), ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.), tía tô (*Perilla ocymoides* L.), kinh giới (*Elsholtzia ciliatae* (Thunb.) Hyland.), xạ can (*Belamcanda punctata* Moench), sinh khương (*Zingiber officinale* Rose), quế chi (*Cinnamomum obtusifolium* Nees.), bạc hà (*Mentha avensis* L.) và cúc hoa (*Flos Chrysanthemi indicii*) được lựa chọn, thu hái, làm sạch và cắt nhỏ. Các thành phần được sử dụng là dạng nguyên liệu tươi.

Trong bước chiết từng nguyên liệu, lần lượt các thành phần nguyên liệu được chuẩn bị ở trên được đưa vào thiết bị chiết thiết bị chiết với dung môi là nước khử ion theo thể tích 1/3 (trọng lượng/thể tích) và chiết hoàn lưu trong 8 giờ. Quá trình chiết hoàn lưu đảm bảo cho phần tinh dầu trong nguyên liệu không bị thoát. Sau đó cô dịch chiết đến khi còn 1/10 thể tích và lọc bỏ tạp chất thu được dịch chiết nguyên liệu.

Trong bước thu chế phẩm dùng để ngâm tẩm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, tiến hành phối trộn đều các thành phần dịch chiết thu được ở trên theo tỷ lệ % thể tích sau: lá tre (*Folium bambusae*) từ 10 đến 15%, lá cây ngũ sắc (*Lantana camara* L.) từ 10 đến 15%, cây sả (*Cymbopogon* spp.) từ 10 đến 15%, lá bưởi (*Citrus decumana* L.) từ 5 đến 10%, hương nhu (*Ocimum sanctum* L.) từ 5 đến 10%, ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.) từ 5 đến 10%, tía tô (*Perilla ocymoides* L.) từ 5 đến 10%, kinh giới (*Elsholtzia ciliatae* (Thunb.) Hyland.) từ 5 đến 10%, xạ can (*Belamcanda punctata* Moench) từ 4 đến 8%, sinh khương (*Zingiber officinale* Rose) từ 4 đến 8%, quế chi (*Cinnamomum obtusifolium* Nees.) từ 1 đến 5%, bạc hà (*Mentha*

avensis L.) từ 2 đến 6% và cúc hoa (*Flos Chrysanthemi indic*) từ 2 đến 6% thu được chế phẩm đồng nhất ở dạng lỏng sánh, màu nâu mùi thơm dịu, hơi chua.

Chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn theo giải pháp hữu ích được dùng giúp giải cảm do bị nhiễm lạnh, giúp hồi phục sức khỏe.

Ví dụ thực hiện giải pháp hữu ích

Ví dụ 1. Sản xuất chế phẩm để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn và kiểm tra kích ứng da

Cắt nhỏ từng thành phần bao gồm 4kg lá tre, 4kg lá cây ngũ sắc, 4kg cây sả, 3kg lá bưởi, 3kg hương nhu, 3kg ngải cứu, 3kg tía tô, 3kg kinh giới, 2kg xạ can, 2kg sinh khương, 1kg quế chi, 1,5 kg bạc hà và 1,5 kg cúc hoa. Các thành phần này được đưa vào thiết bị chưng cất hoàn lưu để chiết bổ sung nước với thể tích gấp 3 lần trọng lượng từng thành phần trên. Điều chỉnh nhiệt độ chiết đến khoảng 100°C, thời gian chiết 8 giờ. Sau khi loại bỏ phần bã, để nguội dịch chiết đến nhiệt độ phòng và chuyển sang thiết bị cô trong điều kiện áp suất giảm đến khi còn 1/10 thể tích thu được 1,2 lít dịch chiết lá tre, 1,2 lít dịch chiết lá cây ngũ sắc, 1,2 lít dịch chiết cây sả, 0,9 lít dịch chiết lá bưởi, 0,9 lít dịch chiết hương nhu, 0,9 lít dịch chiết ngải cứu, 0,9 lít dịch chiết tía tô, 0,9 lít dịch chiết kinh giới, 0,6 lít dịch chiết xạ can, 0,6 lít dịch chiết sinh khương, 0,3 lít dịch chiết quế chi, 0,45 lít dịch chiết bạc hà và 0,45 lít dịch chiết cúc hoa.

Các dịch chiết trên được phối trộn với nhau trong máy khuấy trộn đều thu được 10,5 lít chế phẩm đến khi thu được sản phẩm đồng nhất màu nâu, sánh, mùi thơm. Chế phẩm này được đóng thành từng gói thể tích 100 ml.

Chế phẩm được thử nghiệm độc tính kích ứng da theo tiêu chuẩn ISO 10993-10:29010. Kết quả thử nghiệm sau 72 giờ theo dõi trên da thỏ, không thấy có điểm gây kích ứng da. Do đó, chế phẩm được chứng tỏ an toàn cho da.

Ví dụ 2. Thử nghiệm ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn

Để thử nghiệm ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, các bệnh nhân có biểu hiện của cảm phong hàn như mệt mỏi, sốt, đau đầu, chảy nước mũi, miệng khô khản tiếng, rêu lưỡi trắng, mạch phù được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10 người được tiến hành độc lập. Nhóm 1 (ĐC1) được cho tắm bằng nước, nhóm 2 (ĐC2) được cho tắm bằng gói thuốc lá bán trên thị trường (gồm lá tre, lá cúc tần, hương nhu, cây mùi già, ngải cứu, tía tô) theo hướng dẫn của nhà sản xuất, nhóm 3 (TN1) được cho tắm bằng chế phẩm theo Ví dụ 1 pha loãng 20 lần, nhóm 4 (TN2) được xông bằng chế phẩm

theo Ví dụ 1 trong phòng xông. Quá trình thử nghiệm được thực hiện trong 4 ngày, mỗi ngày tiến hành 2 lần, mỗi lần 15 phút. Các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả đánh giá của bệnh nhân. Kết quả tổng hợp được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Kết quả thử nghiệm chế phẩm để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn

Triệu chứng	ĐC1	ĐC2	TN1	TN2
Mệt mỏi	+	++++	++++	++++
Sốt, chân tay lạnh	++	+++	++++	++++
Đau đầu	+	+++	++++	++++
Chảy nước mũi	+	++	+++	++++
Khản tiếng	+	++	+++	+++
Miệng khô	+	++	++++	++++
Rêu lưỡi trắng	+	++	+++	+++
Tổng thể	Kém	Trung bình	Rất tốt	Rất tốt

Trong đó: +: không cải thiện, ++ trung bình; +++ tốt, ++++ rất tốt

Kết quả cho thấy, với chế phẩm ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn theo giải pháp hữu ích có tác dụng vượt trội. Các triệu chứng mệt mỏi, sốt, đau đầu, chảy nước mũi, miệng khô đặc trưng của nhiễm lạnh hoàn toàn không còn sau quá trình thử nghiệm.

Hiệu quả đạt được của giải pháp hữu ích

Giải pháp hữu ích đưa ra được chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn tiện lợi trong sử dụng. Chế phẩm theo giải pháp có khả năng dùng để ngâm tắm hoặc xông trực tiếp, không gây kích ứng da và dễ sử dụng.

Chế phẩm theo giải pháp hữu ích dạng lỏng sánh, chỉ cần hòa với nước ấm có thể sử dụng ngay mà không cần các bước bào chế phức tạp. Bằng cách đun hồi lưu, các tinh dầu được giữ lại trong chế phẩm giúp giữ được thành phần của nguyên liệu ban đầu.

Từ các thảo dược kết hợp với bài thuốc tắm bí truyền, các tác giả đã đưa ra chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn giúp loại bỏ các triệu chứng mệt mỏi, sốt nhưng chân tay lạnh, đau đầu, chảy nước mũi, miệng khô đặc trưng của bệnh phong hàn. Chế phẩm được chứng minh là hiệu quả và an toàn cho người sử dụng. Phương pháp bào chế đơn giản, hiệu quả, cho phép giữ được hoạt chất của bài thuốc bí truyền trong chế phẩm.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Chế phẩm dùng để ngâm tắm hỗ trợ điều trị bệnh phong hàn, trong đó chế phẩm này bao gồm thành phần dịch chiết từ các thành phần dưới đây theo tỷ lệ % thể tích: lá tre (*Folium bambusae*) từ 10 đến 15%, lá cây ngũ sắc (*Lantana camara* L.) từ 10 đến 15%, cây sả (*Cymbopogon* spp.) từ 10 đến 15%, lá bưởi (*Citrus decumana* L.) từ 5 đến 10%, hương nhu (*Ocimum sanctum* L.) từ 5 đến 10%, ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.) từ 5 đến 10%, tía tô (*Perilla ocymoides* L.) từ 5 đến 10%, kinh giới (*Elsholtzia ciliatae* (Thunb.) Hyland.) từ 5 đến 10%, xạ can (*Belamcanda punctata* Moench) từ 4 đến 8%, sinh khương (*Zingiber officinale* Rose) từ 4 đến 8%, quế chi (*Cinnamomum obtusifolium* Nees.) từ 1 đến 5%, bạc hà (*Mentha avensis* L.) từ 2 đến 6% và cúc hoa (*Flos Chrysanthemi indicis*) từ 2 đến 6%.